

Số: 495/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 11 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Mỹ thuật  
(chuyên ngành Mỹ thuật – Công tác Đội), trình độ cao đẳng, hệ chính quy,  
khóa đào tạo 2018-2022**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định “Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-ĐHPY, ngày 31/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học, cao đẳng và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Trường khoa Khoa Nghệ thuật Trường Đại học Phú Yên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Sư phạm Mỹ thuật** (chuyên ngành Mỹ thuật – Công tác Đội) (mã số **51140222**) trình độ cao đẳng hệ chính quy, khóa đào tạo 2018-2022.

**Điều 2.** Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

**Điều 3.** Trường phòng Đào tạo, Trường khoa Khoa Nghệ thuật, các phòng, ban, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
**TS. Nguyễn Định**



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 495/QĐ-ĐHPY ngày 11 tháng 9 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

**Tên chương trình: SƯ PHẠM MỸ THUẬT – CÔNG TÁC ĐỘI**

**Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG**

**Ngành đào tạo: SƯ PHẠM MỸ THUẬT (Art Education)**

**Mã số: 51140222. Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY**

### 1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Mỹ thuật (chuyên ngành Mỹ thuật – Công tác Đội) trình độ cao đẳng nhằm đào tạo giáo viên giảng dạy môn Mỹ thuật, Công tác Đội ở Trung học cơ sở và Tiểu học đáp ứng được những yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông (GDPT) trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giáo viên được đào tạo phải

có tư tưởng, phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe, có năng lực giáo dục, dạy học theo yêu cầu của chuẩn giáo viên Trung học cơ sở, Tiểu học. Có khả năng dạy tốt chương trình phổ thông mới, cũng như có khả năng đáp ứng được những thay đổi của GDPT trong tương lai; có kỹ năng nghiên cứu, tự bồi dưỡng khoa học giáo dục.

### 2. Chuẩn đầu ra

**2.1. Chuẩn đầu ra chung (về Lý luận chính trị, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Ngoại ngữ, Tin học)**

Theo Chuẩn đầu ra chung các ngành đào tạo trình độ cao đẳng của Trường Đại học Phú Yên.

### 2.2. Kiến thức

- Hiểu, biết được những kiến thức về khoa học xã hội - nhân văn đáp ứng nhu cầu hoạt động dạy học và giáo dục thẩm mỹ.

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức về Mỹ thuật, Công tác Đội; kiến thức nghiệp vụ sư phạm vào trong thực tiễn hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá và giáo dục Mỹ thuật.

- Áp dụng thành thạo kiến thức về nghiệp vụ sư phạm: Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học và các yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trong giảng dạy môn Mỹ thuật và hoạt động Công tác Đội ở trường Trung học cơ sở và Tiểu học.

### 2.3. Kỹ năng

- Xây dựng kế hoạch, thiết kế bài giảng và tổ chức vận dụng các phương pháp giáo dục phù hợp với đặc trưng bộ môn.

- Có kỹ năng dạy học tích hợp, tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo để phát huy được tính tích cực sáng tạo của học sinh. Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về Mỹ thuật, Công tác Đội.

- Có kỹ năng vẽ tranh Quảng cáo, Cổ động - trực quan.

- Có kỹ năng giao tiếp, trình bày - thuyết trình, tổ chức làm việc nhóm, khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp.



#### 2.4. Thái độ

- Yêu nghề dạy học và yêu nghệ thuật, có tinh thần cầu tiến, tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Tôn trọng, thương yêu, đối xử công bằng với học sinh; quan tâm giúp đỡ học sinh khắc phục khó khăn để vươn lên trong học tập và rèn luyện.

- Đoàn kết, tương trợ đồng nghiệp, quan hệ chặt chẽ với gia đình và cộng đồng.

- Có ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển nhà trường và cộng đồng, xây dựng xã hội học tập.

- Xây dựng kế hoạch, thiết kế bài giảng và tổ chức vận dụng các phương pháp giáo dục phù hợp với đặc trưng bộ môn.

- Có kỹ năng dạy học tích hợp, tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp, hoạt động giáo dục ngoài giờ để phát huy được tính năng động sáng tạo của học sinh. Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về âm nhạc, Công tác Đội.

#### 2.5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong làm việc độc lập hoặc làm việc với tập thể, giải quyết tốt và hoàn thành mọi công việc được giao, các vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong tập thể.

#### 2.6. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Giảng dạy môn Mỹ thuật và Công tác Đội ở các trường Trung học cơ sở, Tiểu học hoặc các Trung tâm Văn hóa.

- Làm công tác tuyên truyền ở các Phòng Văn hóa và Thông tin; làm Tổng phụ trách Đội ở các trường phổ thông.

#### 2.7. Khả năng học tập nâng cao

- Có khả năng tự học tập, tự bồi dưỡng để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác.

- Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc đại học ngành sư phạm Mỹ thuật.

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ cho toàn khóa học là 110 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (chưa kể Giáo dục thể chất 3 tín chỉ, Giáo dục quốc phòng – an ninh 8 tín chỉ).

TT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b> (chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)	34	26	8
2	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	76	70	6
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	10	11	0
2.2	Kiến thức ngành	38	31	6
2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	22	22	0
2.4	Thực tập sư phạm tốt nghiệp	6	6	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>110</b>	<b>96</b>	<b>14</b>



**4. Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. Các quy định khác theo quy chế Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Thực hiện theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHPY ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

**6. Cách thức đánh giá:** Thực hiện theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHPY ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

**7. Nội dung chương trình**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Tự học (nếu có)	Học phần tiên quyết (Số thứ tự HP)
				LT	BT/TL	TH/TT		
<b>7.1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>34</b>	<b>415</b>	<b>45</b>	<b>100</b>	<b>0</b>	
<b>7.1.1</b>	<b>Lí luận chính trị</b>		<b>10</b>	<b>150</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	LC210012	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	30	0	0	0	
2	LC210113	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	45	0	0	0	1
3	LC220012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	2
4	LC220113	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	45	0	0	0	3
<b>7.1.2</b>	<b>Khoa học xã hội - Nhân văn</b>		<b>10</b>	<b>135</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>4</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	
5	LC230012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	1
6	TL211322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
	<b>- Tự chọn: chọn 6/12 tín chỉ</b>		<b>6</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
7	XH213032	Tiếng Việt thực hành	2	30	0	0	0	1
8	LC220142	Đạo đức học	2	30	0	0	0	1
9	LC210132	Mỹ học đại cương	2	30	0	0	0	1
10	XH240012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	1
11	NT210922	Thường thức Âm nhạc	2	30	0	0	0	
12	XH220032	Lịch sử văn minh Thế giới	2	30	0	0	0	
<b>7.1.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>9</b>	<b>90</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
13	NG216203	Tiếng Anh 1 (A2.1)	3	30	15	0	0	
14	NG216213	Tiếng Anh 2 (A2.2)	3	30	15	0	0	13
15	NG216223	Tiếng Anh 3 (A2.3)	3	30	15	0	0	14
<b>7.1.4</b>	<b>Toán-Tin học - KHTN - Công nghệ - Môi trường</b>		<b>5</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	<b>70</b>	<b>0</b>	
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>3</b>	<b>25</b>	<b>0</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	
16	KC200063	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	



	<b>- Tự chọn: chọn 2/4 tín chỉ</b>		<b>2</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	
17	KC201162	Đồ hoạ ứng dụng	2	15	0	30	0	
18	TN243022	Giáo dục môi trường	2	30	0	0	0	
<b>7.1.5</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	
19	TC250011	Giáo dục thể chất 1	1	0	0	30	0	
20	TC251011	Giáo dục thể chất 2	1	0	0	30	0	19
21	TC252011	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	30	0	20
<b>7.1.6</b>	<b>Giáo dục quốc phòng-an ninh</b>							
22	TC260018	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
<b>7.2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>76</b>	<b>455</b>	<b>0</b>	<b>1080</b>	<b>0</b>	
<b>7.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>10</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>10</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	
23	NT220023	Luật xa gân – Giải phẫu tạo hình	3	30	0	30	0	
24	TL212022	Tổ chức và hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	
25	NT220033	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới - Việt Nam	3	30	0	30	0	
26	NT220012	Mỹ thuật học	2	30	0	0	0	
<b>7.2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>38</b>	<b>150</b>	<b>0</b>	<b>780</b>	<b>0</b>	
<b>7.2.2.1</b>	<b>Kiến thức ngành chính</b>		<b>27</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	<b>630</b>	<b>0</b>	
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>23</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	<b>510</b>	<b>0</b>	
27	NT220043	Vẽ khối cơ bản và đồ vật (đen trắng)	3	15	0	60	0	
28	NT220053	Vẽ tượng chân dung -Vẽ tượng người (đen trắng)	3	15	0	60	0	27
29	NT220062	Điều khắc	2	15	0	30	0	27,28
30	NT220072	Vẽ chân dung người (đen trắng)	2	0	0	60	0	28
31	NT220083	Vẽ người (đen trắng) – Vẽ tĩnh vật (màu)	3	15	0	60	0	30
32	NT220093	Trang trí cơ bản – Nghiên cứu vốn cổ dân tộc và ứng dụng	3	15	0	60	0	
33	NT220102	Trang trí ứng dụng 1	3	15	0	60	0	32
34	NT220112	Ký họa (đen trắng)	2	0	0	60	0	
35	NT220122	Bố cục 1	2	0	0	60	0	27,31, 32,34
	<b>-Tự chọn: 4/8 tín chỉ</b>		<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	
36	NT220142	Trang trí ứng dụng 2	2	0	0	60	0	33
37	NT220132	Vẽ người (màu)	2	0	0	60	0	31
38	NT220152	Bố cục 2	2	0	0	60	0	35
39	NT220162	Ký họa (màu)	2	0	0	60	0	34
<b>7.2.2.2</b>	<b>Kiến thức ngành hai</b>		<b>11</b>	<b>75</b>	<b>0</b>	<b>150</b>	<b>0</b>	
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>9</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	
40	TL212042	Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	15	0	30	0	24
41	TL212174	Hoạt động nghiệp vụ Đội TNTP Hồ Chí Minh	4	30	0	60	0	44,45
42	TL212162	Phương pháp thiết kế hoạt động Đội.	2	15	0	30	0	56
43	TL212021	Thực tế bộ môn công tác Đội	1	0	0	45 giờ	0	
	<b>-Tự chọn: 2/4 tín chỉ</b>		<b>2</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	
44	TL212182	Tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	15	0	30	0	34
45	TL212062	Hoạt động giáo dục truyền thống của	2	15	0	30	0	34



		Đội TNTP Hồ Chí Minh						
<b>7.2.3</b>	<b><i>Kiến thức nghiệp vụ sư phạm</i></b>		<b>22</b>	<b>185</b>	<b>25</b>	<b>240</b>	<b>0</b>	
46	TL210012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	1,2
47	TL210022	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	2	25	5	0	0	45
48	TL211012	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	
49	TL211023	Hoạt động giáo dục và dạy học ở trường THCS	3	35	10	0	0	47
50	TL210011	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1	0	0	30	0	
51	TL210061	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	1	0	0	30	0	49
52	TL210071	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1	0	0	30	0	50
53	TL211222	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	1,2,5,45,46,47
54	NT221012	Lý luận chung về PPDH Mỹ thuật	2	15	0	30	0	27,32,35
55	NT220123	Thực hành sư phạm Mỹ thuật	3	15	0	60	0	53
56	TL212073	PP công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh ở trường THCS	3	15	0	60	0	41
<b>7.2.4</b>	<b><i>Thực tập sư phạm tốt nghiệp</i></b>		<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>270 giờ</b>	<b>0</b>	
57	DT200026	Thực tập sư phạm tốt nghiệp (9 tuần)	6	0	0	270 giờ	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>110</b>	<b>870</b>	<b>70</b>	<b>1180 + 315 giờ</b>	<b>0</b>	

Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.

## 8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

### 8.1. Học kỳ I: 18 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC210012	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	30	0	0	0	
2	NG216203	Tiếng Anh 1 (A2.1)	3	30	15	0	0	
3	TC250011	Giáo dục thể chất 1	1	0	0	30	0	
4	KC200063	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
5	TL212022	Tổ chức và hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	
6	NT220012	Mỹ thuật học	2	30	0	0	0	
7	NT220023	Luật xa gần – Giải phẫu tạo hình	3	30	0	30	0	
8	NT220013	Vẽ khối cơ bản và đồ vật (đen trắng)	3	15	0	60	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>18</b>	<b>190</b>	<b>15</b>	<b>160</b>	<b>0</b>	



**8.2. Học kỳ II: 20 TC (bắt buộc: 18 TC, tự chọn: 2 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
<b>- Bắt buộc:</b>			<b>18</b>	<b>175</b>	<b>20</b>	<b>180</b>	<b>0</b>	
1	LC210113	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	45	0	0	0	
2	LC230012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
3	NG216213	Tiếng Anh 2 (A2.2)	3	30	15	0	0	
4	TC251011	Giáo dục thể chất 2	1	0	0	30	0	
5	TL210012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	
6	TL210011	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1	0	0	30	0	
7	TL212032	Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	15	0	30	0	
8	NT220093	Trang trí cơ bản – Nghiên cứu vốn cổ dân tộc và ứng dụng	3	15	0	60	0	
9	TL211322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
<b>- Tự chọn: 2/4 TC</b>			<b>2</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
10	XH213032	Tiếng Việt thực hành	2	30	0	0	0	
11	LC220142	Đạo đức học	2	30	0	0	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>20</b>	<b>205</b>	<b>20</b>	<b>180</b>	<b>0</b>	

**8.3. Học kỳ III: 18 TC (Bắt buộc: 16 TC, tự chọn: 2 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
<b>- Bắt buộc:</b>			<b>16</b>	<b>155</b>	<b>25</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	
1	LC220012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	
2	NG216223	Tiếng Anh 3 (A2.3)	3	30	15	0	0	
3	TC252011	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	30	0	
4	TL210022	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm	2	25	5	0	0	
5	TL211012	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	
6	TL210061	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	1	0	0	30	0	
7	NT220053	Vẽ tượng chân dung – Vẽ tượng người (đen trắng)	3	15	0	60	0	
8	NT220033	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới - Việt Nam	3	30	0	30	0	
<b>-Tự chọn: 2/4</b>			<b>2</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	
9	TL212042	Tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	15	0	30	0	
10	TL212062	Hoạt động giáo dục truyền thống của Đội TNTP Hồ Chí Minh	2	15	0	30	0	
11	XH240012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	
12	LC210132	Mỹ học đại cương	2	30	0	0	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>18</b>	<b>200</b>	<b>25</b>	<b>150</b>	<b>0</b>	



**8.4. Học kỳ IV: 20 TC (bắt buộc: 18 TC, tự chọn: 2 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi Chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
<b>-Bắt buộc:</b>			<b>18</b>	<b>110</b>	<b>10</b>	<b>270</b>	<b>0</b>	
1	TC260018	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
2	LC220113	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	45	0	0	0	
3	TL210071	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1	0	0	30	0	
4	TL211023	Hoạt động giáo dục và dạy học ở trường THCS	3	35	10	0	0	
5	TL212054	Hoạt động nghiệp vụ Đội TNTP Hồ Chí Minh	4	30	0	60	0	
6	NT220072	Vẽ chân dung người (đen trắng)	2	0	0	60	0	
7	NT220122	Bố cục 1	2	0	0	60	0	
8	NT200112	Ký họa (đen trắng)	2	0	0	60	0	
9	TL212021	Thực tế bộ môn công tác Đội	1	0	0	45giờ	0	
<b>- Tự chọn: 2/4 TC</b>			<b>2</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
10	NT210922	Thường thức Âm nhạc	2	30	0	0	0	
11	XH220032	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	0	0	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>20</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>270</b>	<b>30</b>	

**8.5. Học kỳ V: 16 TC (bắt buộc: 12TC; tự chọn: 4 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi Chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
<b>-Bắt buộc:</b>			<b>12</b>	<b>75</b>	<b>0</b>	<b>210</b>	<b>0</b>	
1	TL211222	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	
2	TL212073	Phương pháp công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh.	3	15	0	60	0	
3	NT220062	Điều khắc	2	0	0	60	0	
4	NT220102	Trang trí ứng dụng 1	3	15	0	60	0	
5	NT221012	Lý luận chung về PPDH Mỹ thuật	2	15	0	30	0	
<b>-Tự chọn: 4/8 TC</b>			<b>4</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	
6	TN243022	Giáo dục môi trường	2	30	0	0	0	
7	KC201162	Đồ họa ứng dụng	2	15	0	30	0	
8	NT220102	Ký họa (màu)	2	0	0	60	0	
9	NT220152	Bố cục 2	2	0	0	60	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>300</b>	<b>0</b>	



**8.6. Học kỳ VI: 16 TC (bắt buộc:14 TC, Tự chọn : 2 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Tự học (nếu có)	Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT		
<b>Bắt buộc:</b>			<b>14</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>150</b>	<b>0</b>	
1	DT200026	Thực tập sư phạm tốt nghiệp	6	0	0	270 giờ	0	9 tuần
2	NT221023	Thực hành sư phạm Mỹ thuật	3	15	0	60	0	
3	NT220083	Vẽ người (đen trắng) – Vẽ tĩnh vật (màu)	3	15	0	60	0	
4	TL212082	Phương pháp thiết kế hoạt động Đội	2	15	0	30	0	
<b>-Tự chọn : 2/4 TC</b>			<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	
5	NT220142	Trang trí ứng dụng 2	2	0	0	60	0	
6	NT220132	Vẽ người (màu)	2	0	0	60	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>210+</b> <b>270</b> <b>giờ</b>	<b>0</b>	

**9. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

**9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần với những tri thức khái quát về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Học phần có những nội dung cơ bản sau:

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vật chất – ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; phép biện chứng và phép biện chứng duy vật; các nguyên lý cơ bản, các phạm trù và quy luật của phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức.

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử: Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; tồn tại xã hội và ý thức xã hội; hình thái kinh tế - xã hội; đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội; quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.

**9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1.

Học phần với những tri thức khái quát về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Học phần có những nội dung cơ bản sau:

Những kiến thức cơ bản về kinh tế - chính trị học Mác – Lênin: Học thuyết giá trị và giá trị thặng dư; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

**9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2.

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và có hệ thống về:



Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Đặc biệt nhấn mạnh sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng và Nhà nước ta trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, nhất là trong thời kỳ đổi mới đất nước hiện nay.

#### **9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và có hệ thống về:

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Đường lối của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Đường lối của Đảng về tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa bao gồm: đường lối về công nghiệp hóa, về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng hệ thống chính trị, về xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội, về đối ngoại; trong đó tập trung chủ yếu vào đường lối xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới.

#### **9.5. Pháp luật đại cương**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin I

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật. Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Học phần này làm cơ sở lý luận cho sinh viên tiếp cận các học phần về Quản lý nhà trường; Soạn thảo văn bản; các học phần pháp luật chuyên ngành.

#### **9.6. Tin học đại cương**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm các phần:

- Những hiểu biết về công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của CNTT và truyền thông, các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.

- Cách sử dụng máy tính cơ bản: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in.

- Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.

- Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo, giáo án trình chiếu trên máy chiếu bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng tính điện tử, sử dụng các phép toán và các hàm để xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

#### **9.7. Tiếng Anh 1 (A2.1)**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở đầu trình độ sơ cấp (A2.1) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.



### **9.8. Tiếng Anh 2 (A2.2)**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1.

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở giữa trình độ sơ cấp (A2.2) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### **9.9. Tiếng Anh 3 (A2.3)**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2.

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở cuối trình độ sơ cấp bậc 2 (A2.3) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### **9.10. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm**

**2TC**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá hoạt động trải nghiệm trong nhà trường phổ thông.

Sinh viên được tích lũy kiến thức, rèn kỹ năng nghề, tăng cường kỹ năng sống; Phát huy năng lực, phẩm chất trong hoạt động thực tế của nghề nghiệp; Tăng cường khả năng tự làm chủ bản thân, chủ động, tích cực giải quyết các tình huống của nghề nghiệp và cuộc sống; Tạo tính năng động, có thể thích ứng với những biến đổi của đời sống; Khởi dậy khát khao sáng tạo, tìm được cách giải quyết tối ưu nhất những vấn đề đặt ra trong nghề nghiệp và trong cuộc sống.

### **9.11. Giáo dục học đại cương**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung học phần: Cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản, đại cương về giáo dục học: các khái niệm, các phạm trù, các nguyên tắc và phương pháp cơ bản của giáo dục học, làm cơ sở cho việc tiếp thu các học phần hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm.

### **9.12. Tâm lý học đại cương**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin.

Cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý học đại cương; hiện tượng tâm lý người; nguồn gốc và bản chất các hiện tượng tâm lý; các yếu tố tác động đến sự hình thành và biểu hiện của hiện tượng tâm lý người, tạo cơ sở cho việc tiếp thu các học phần khác về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, các học phần giáo dục học (Giáo dục học đại cương, Hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục, Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên, Thực tập sư phạm); bước đầu hình thành kỹ năng nghiên cứu tâm lý người.

### **9.13. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên**

**3 TC**

Củng cố hệ thống hóa những kiến thức đã học ở tất cả các học phần tâm lý học, giáo dục học, rèn luyện các kỹ năng cụ thể của dạy học, của giáo dục, kỹ năng tự học, tự bồi dưỡng, góp phần hình thành trình độ nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên; chuẩn bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản, cần thiết cho hoạt động dạy học, giáo dục trong thực tập sư phạm.

Cụ thể:

#### **9.13.1. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1**

**1 TC**

1. Học tập rèn luyện những kỹ năng chung



- SV chẩn đoán phẩm chất, năng lực của bản thân so với yêu cầu nghề nghiệp; xây dựng kế hoạch, biện pháp tự hoàn thiện những phẩm chất năng lực của bản thân.

- Rèn luyện phong cách văn hóa - sự phạm trong giao tiếp; vận dụng kiến thức tâm lý học và giáo dục học để giải quyết một số tình huống xảy ra trong thực tiễn giáo dục.

- Tìm hiểu vị trí, mục tiêu đào tạo, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của trường THCS, xây dựng phương pháp học tập nghiên cứu ở trường đại học.

2. Học tập những kỹ năng chuyên ngành đào tạo

- Luyện và chữa lỗi phát âm

- Tập viết chữ, trình bày bảng

### **9.13.2. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2**

1 TC

1. Học tập, rèn luyện một số kỹ năng chung

- Tập luyện một số kỹ năng hoạt động dạy học, giáo dục

- Tập luyện một số bài hát, điệu múa và nghi thức đội

- Nghiên cứu các giáo trình hướng dẫn về việc thực hiện công tác thực tập sư phạm.

2. Học tập rèn luyện những kỹ năng riêng

- Thiết kế các loại kế hoạch năm, tháng, tuần cụ thể ở THCS

- Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục và các kế hoạch khác.

### **9.13.3. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3**

1 TC

1. Tập dượt NCKHGD

2. Tập viết một số văn bản hành chính.

3. Rèn luyện kỹ năng riêng thuộc chuyên ngành đào tạo.

### **9.14. Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm**

2TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm: lý luận chung về sự phát triển tâm lý người theo các lứa tuổi, các giai đoạn, thời kỳ phát triển tâm lý con người, trong đó đi sâu vào đặc điểm tâm lý học sinh THCS. Trình bày các nội dung cơ bản về tâm lý học của hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và người thầy giáo THCS.

### **9.15. Hoạt động giáo dục và dạy học ở trường THCS**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình, nguyên tắc và phương pháp giáo dục cũng như những kiến thức về việc tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường THCS, các kỹ năng tổ chức, triển khai, đánh giá, kết hợp các hoạt động giáo dục ở trường THCS.

Cung cấp những khái niệm, phạm trù cơ bản của lý luận dạy học, các đặc điểm cơ bản của hoạt động dạy học, giúp sinh viên có kỹ năng vận dụng những kiến thức lý luận dạy học vào việc rèn luyện kỹ năng dạy học, vận dụng vào việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức và phương tiện dạy học ở trường THCS.

### **9.16. Quản lý nhà trường**

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1 và 2; Pháp luật đại cương; các học phần Tâm lý học và Giáo dục học.

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành sư phạm, trình độ CĐ hệ thống tri thức về quản lý nhà trường trung học cơ sở (THCS): Tổng quan về quản lý và lãnh đạo nhà trường THCS; Mô hình lý thuyết về quản lý dựa vào nhà trường THCS; Phát triển chương trình nhà trường THCS theo tiếp cận năng lực; Phát triển năng lực tự chủ chuyển môn trong quản lý đội ngũ giáo viên THCS; Tiếp cận lãnh đạo dạy học trong quản lý nhà trường THCS của



hiệu trưởng; Đổi mới đánh giá trong lớp học theo quan điểm vì sự tiến bộ của người học; Quản lý chất lượng giáo dục THCS; Quản lý nguồn nhân lực trong nhà trường THCS; Quản lý tài chính trường THCS theo định hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội; Văn hoá nhà trường THCS trong thế kỷ XXI và vai trò của người hiệu trưởng nhà trường THCS; Tình huống và cách xử lý một số tình huống quản lý nhà trường THCS.

**9.17. Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)**

**1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các động tác của bài thể dục phát triển chung, bài thể dục nhào lộn, bài thể dục nhảy dây ngắn nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện sức khỏe tốt, phát triển các tố chất thể lực.

**9.18. Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh)**

**1TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và kỹ thuật của môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, môn nhảy xa kiểu uốn thân, một số điều luật thi đấu môn nhảy xa và đẩy tạ.

**9.19. Giáo dục thể chất 3 (chọn 1 trong 5 học phần)**

**1 TC**

**9.19.1. Cầu lông 1**

**1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn cầu lông; kiến thức kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông; phổ biến một số điều luật về sân bãi, dụng cụ và thi đấu đơn.

**9.19.2. Bóng chuyền 1**

**1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng chuyền; phổ biến một số điều luật cơ bản.

**9.19.3. Bóng đá 1**

**1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng đá; phổ biến luật bóng đá 5 người; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

**9.19.4. Bóng bàn 1**

**1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng bàn; phổ biến luật thi đấu đơn.

**9.19.5. Võ Cổ truyền 1**

**1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản môn Võ thuật cổ truyền Việt Nam; Nắm được ý nghĩa, tác dụng của việc luyện tập các môn học này đối với cơ thể con người, vận dụng môn học để rèn luyện nhằm nâng cao các tố chất thể lực cho cơ thể.

**9.20. Giáo dục Quốc phòng - An ninh**

**8 TC**

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng – an ninh.

**9.21. Tiếng Việt thực hành**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần rèn luyện và phát triển những kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho sinh viên gồm: rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, rèn luyện kỹ năng viết câu, dùng từ;



đặc biệt là kỹ năng soạn thảo các văn bản và qui trình làm một bài văn (từ khâu phân tích đề, lập dàn bài, cách viết mở bài, diễn đạt ý và kết luận...).

### **9.22. Đồ họa ứng dụng**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đồ họa nền vector và bitmap thông qua hai chương trình đồ họa Corel Draw và Photoshop. Từ đó, sinh viên ứng dụng các phần mềm này vào chuyên ngành mỹ thuật để phác thảo mẫu, vẽ thiết kế, lập bộ tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế và hiệu chỉnh màu sắc các mẫu thiết kế quảng cáo.

### **9.23. Cơ sở văn hóa Việt Nam**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1

Học phần trang bị những tri thức về các khái niệm văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật; cấu trúc văn hóa; tọa độ văn hóa Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

### **9.24. Giáo dục môi trường**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Giới thiệu một số khái niệm về môi trường, sinh quyển; các môi trường sống chính; nguồn năng lượng, nguồn nước và nguồn khoáng; tác động gây ô nhiễm môi trường của con người; giáo dục bảo vệ và phát triển bền vững môi trường trong nhà trường và trong cộng đồng; luật bảo vệ môi trường.

### **9.25. Đạo đức học**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống những tri thức cơ bản của đạo đức học như: nguồn gốc, tính chất, vai trò, nhiệm vụ của đạo đức, về phạm trù đạo đức, những nguyên tắc và những chuẩn mực đạo đức cần phải rèn luyện và giáo dục.

### **9.26. Mỹ học đại cương**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại, có hệ thống và tương đối toàn diện về mỹ học, từ đó giúp cho sinh viên có ý thức và khả năng cảm thụ, đánh giá, sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân và cho nghệ thuật; góp phần xây dựng đời sống thẩm mỹ của sinh viên ngày càng phong phú và lành mạnh

### **9.27. Thường thức Âm nhạc**

**2TC**

Học phần này nhằm giúp cho sinh viên hiểu biết về nhạc lý cơ bản : độ dài, độ cao của nốt nhạc một số ký hiệu thường gặp trong âm nhạc, phách, nhịp của bài hát để có thể hát đúng nhịp và hát có nhạc cảm đối với một ca khúc phổ thông , biết phân biệt cấu trúc của một bài hát đơn giản ở hình thức một đoạn đơn, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn, hiểu được hình thức Sonat. Hiểu biết sơ lược về âm nhạc Thế giới. Giới thiệu về Dân ca Việt Nam và đặc điểm dân ca Bắc bộ, Trung bộ, Nam bộ. Khái quát về quá trình hình thành và phát triển nền âm nhạc mới Việt nam qua các thời kỳ.

### **9.28. Lịch sử văn minh thế giới**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần khái quát những thành tựu chủ yếu về văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của những nền văn minh lớn trong lịch sử thế giới từ cổ đại đến hiện đại; sự phát triển về kỹ thuật và khoa học tự nhiên; sự phát triển về tư tưởng.

### **9.29. Thực tập sư phạm tốt nghiệp**

**6TC**

- Thực tập sư phạm tốt nghiệp bao gồm:



- + Tìm hiểu tình hình địa phương, nhà trường thực tập.
- + Thực tập giảng dạy.
- + Thực tập công tác giáo dục.
- + Làm bài tập nghiên cứu khoa học

### **9.30. Tổ chức và hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về cơ sở khoa học ngành Công tác Đội. Mục đích, tính chất, chức năng nhiệm vụ của tổ chức Đội, Hệ thống tổ chức Đội; các nguyên tắc hoạt động và phương pháp công tác của Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh. Vị trí của công tác Đội trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học và trung học cơ sở, sự quan tâm của Đảng cộng sản Việt Nam, Bác Hồ và nhà nước ta đối với thiếu nhi và tổ chức Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh.

### **9.31. Nghi thức Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức kỹ năng và thực hành thành thực về Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh. Các kỹ năng cơ bản của người đội viên; Chỉ huy nghi thức Đội; Đội hình đội ngũ; Nghi lễ của Đội TNTP Hồ Chí Minh.

### **9.32. Hoạt động giáo dục truyền thống của Đội TNTP Hồ Chí Minh**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Nghi thức Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh

Học phần giúp sinh viên biết tổ chức một số hình thức hoạt động giáo dục truyền thống; Hội thi thiếu nhi; Hoạt động xã hội của Đội TNTP Hồ Chí Minh. Các hoạt động chủ đề, chủ điểm.

### **9.33. Tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh (tự chọn)**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Nghi thức Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh

Học phần cung cấp cho sinh viên một cách hệ thống các vấn đề về: Phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh; Tổng phụ trách Đội ở trường phổ thông; Thực hành, thảo luận một số vấn đề về phương pháp công tác của tổng phụ trách trong nhà trường.

### **9.34. Hoạt động nghiệp vụ Đội TNTP Hồ Chí Minh**

**4TC**

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành xong một trong hai học phần tự chọn

Học phần cung cấp cho sinh viên một cách hệ thống về nghiệp vụ công tác Đội: Hát, múa, kể chuyện, trò chơi, trại, tham quan du lịch thiếu nhi. Ý nghĩa, tác dụng và quy trình tổ chức của các hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh.

### **9.35. Phương pháp công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Hoạt động nghiệp vụ Đội TNTP Hồ Chí Minh

Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên thực hành thành thực phương pháp truyền đạt, huấn luyện nghi thức Đội. Phương pháp tổ chức rèn luyện các kỹ năng hoạt động nghiệp vụ Đội: Hát, múa, kể chuyện, trò chơi, trại, tham quan du lịch thiếu nhi.

### **9.36. Phương pháp thiết kế hoạt động Đội**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh.

Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên quy trình thiết kế và tổ chức các hoạt động nghiệp vụ Đội. Biết thiết kế và tổ chức được các hội thi, những hoạt động tập thể, sự kiện cho lớp và trường.

### **9.37. Thực tế bộ môn công tác Đội**

**1TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn. Biết được những danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử của đất nước để thêm yêu quê hương đất



nước và con người Việt Nam. Tự tổ chức được những chuyến tham quan du lịch cho tập thể lớp, bạn bè, người thân.

### **9.38. Luật xa gần - Giải phẫu tạo hình**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: không.

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về quy luật của thị giác, những khái niệm và vai trò của luật xa gần trong học tập và sáng tác mỹ thuật (nhất là trong bố cục tranh). Thông qua sự biểu hiện không gian trên mặt phẳng với phối cảnh đường nét và hình thức phối cảnh khác giúp cho bài tập gần với tự nhiên hơn. Học phần còn trang bị những kiến thức cơ bản về cấu trúc, tỉ lệ của con người thông qua cấu tạo của xương và cơ (các cơ nông). Học phần góp phần củng cố khả năng vẽ hình, tạo khối và ký họa trong chương trình Mỹ thuật. Từ cấu tạo của xương, cơ và sự thay đổi có tính qui luật khi con người hoạt động giúp cho người học xây dựng hình vẽ đúng hơn, chắc chắn và sinh động hơn.

### **9.39. Lịch sử Mỹ thuật Thế giới - Việt Nam**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nền nghệ thuật: Cổ đại, thời kỳ Phục hưng, nghệ thuật châu Âu thế kỷ XVII, XVIII, XIX và đầu thế kỷ XX, những trào lưu nghệ thuật có tính cách mạng trong nghệ thuật thế giới. Giới thiệu khái quát về nghệ thuật Châu Á với các nước tiêu biểu: Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản;

Sinh viên biết, hiểu được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của nền Mỹ thuật Việt Nam: Mỹ thuật Việt Nam thời nguyên thủy, thời phong kiến, thời Pháp thuộc và từ Cách mạng tháng Tám (1945) đến nay.

Sinh viên nghiên cứu kiến thức lịch sử Mỹ thuật, vận dụng để làm các bài tập thực hành: Nhận biết về chất liệu, các loại hình nghệ thuật, nội dung, hình thức thể hiện. Làm những bài tập tìm hiểu sắc thái riêng của các nền mỹ thuật Việt Nam và thế giới... Từ đó nâng cao khả năng cảm thụ nghệ thuật và năng lực phân tích tác phẩm nghệ thuật tạo hình.

### **9.40. Mỹ thuật học**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: không.

Học phần này trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Mỹ thuật; Các thể loại: hội họa, điêu khắc, đồ họa. Từ đó sinh viên phân tích tác phẩm Mỹ thuật được sâu sắc phục vụ cho việc giảng dạy và nghiên cứu mỹ thuật.

### **9.41. Vẽ khối cơ bản và đồ vật (đen trắng)**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này tạo điều kiện để sinh viên nghiên cứu và vẽ các hình khối cơ bản và đồ vật bằng chất liệu chì, trang bị kiến thức về cấu tạo hình khối trong tự nhiên và vai trò quan trọng của chúng trong học tập Mỹ thuật.

### **9.42. Vẽ tượng chân dung – Vẽ tượng người (đen trắng)**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Vẽ khối cơ bản và đồ vật (đen trắng), Luật xa gần - Giải phẫu tạo hình.

Qua học phần này sinh viên được nghiên cứu về tượng chân dung người bằng chất liệu thạch cao. Đây là bước nối tiếp giữa vẽ đồ vật sang vẽ chân dung người thật. Thông qua các bài học, trang bị kiến thức về cấu tạo xương đầu, các cơ đầu và giác quan trên khuôn mặt con người.

Sinh viên còn được nghiên cứu vẽ tượng người bằng chất liệu chì hoặc than: tượng bán thân và tượng người toàn thân. Sinh viên hiểu được những kiến thức và kỹ năng vẽ mẫu dáng tĩnh, đơn sắc trước khi chuyển sang vẽ người dáng động, đa sắc. Nắm được cấu trúc tỉ lệ, hình dáng và đặc điểm của mẫu tượng với yêu cầu kết hợp tốt kiến thức về giải phẫu tạo



hình, luật xa gần cùng các phương pháp tiên hành bài vẽ. Thông qua đó nhận thức được vẻ đẹp cân đối của con người.

#### **9.43. Vẽ chân dung người (đen trắng)**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Vẽ tượng người (đen trắng).

Học phần này sinh viên được nghiên cứu và vẽ chân dung và bán thân người thật nam, nữ bằng chất liệu chì hoặc than. Củng cố và đẩy sâu việc diễn tả hình khối, cấu trúc, đặc điểm và tình cảm của người mẫu; Hiểu được vai trò của vẽ chân dung người thật trong học tập và sáng tạo nghệ thuật.

#### **9.44. Vẽ người (đen trắng) – Vẽ tĩnh vật (màu)**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Vẽ chân dung người (đen trắng).

Học phần này sinh viên được nghiên cứu người thật mẫu nam, nữ: Các thế ngồi hoặc đứng từ dễ đến khó và được sắp đặt trong một không gian cụ thể. Thông qua chất liệu chì hoặc than để diễn tả được bản chất và thần thái của người mẫu. Sinh viên hiểu được về cấu tạo, tỷ lệ và sự cân đối hài hòa của con người thông qua đường nét, hình khối, đậm nhạt, tạo không gian, là cơ sở để tiếp tục tự rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn.

Ở phần vẽ tĩnh vật (màu) sinh viên vẽ chất liệu màu các đồ vật, dụng cụ gia đình và hoa quả. Rèn luyện cách nhìn đậm nhạt thông qua màu sắc, cách sử dụng chất liệu (màu bột, màu nước) và cách vẽ màu. Hiểu được vai trò và vị trí của vẽ tĩnh vật (màu) đối với ngành học Mỹ thuật.

#### **9.45. Trang trí cơ bản – Nghiên cứu vốn cổ dân tộc và ứng dụng**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần này sinh viên được nghiên cứu các khái niệm và nguyên tắc sử dụng màu sắc; các hình trang trí cơ bản như: hình tròn, hình vuông, đường điem. Thực hành các bài trang trí cơ bản. Trang bị kiến thức ban đầu nhưng rất cơ bản và quan trọng, làm cơ sở cho sinh viên học tập và nghiên cứu sau này.

Học phần còn trang bị những kiến thức, những hiểu biết về tinh hoa nghệ thuật đặc sắc của cha ông thông qua các công trình, các tác phẩm Mỹ thuật còn lại đến ngày nay. Trên cơ sở thâm nhuận truyền thống nghệ thuật dân tộc, vận dụng có ý thức vào các bài thực hành đơn giản và cách điệu hoa lá, thành các họa tiết trang trí ứng dụng vào bài thực hành trang trí vải hoa, và vào cuộc sống, giảng dạy và sáng tạo nghệ thuật.

#### **9.46. Trang trí ứng dụng 1**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Trang trí cơ bản - Nghiên cứu vốn cổ dân tộc và ứng dụng.

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhằm đáp ứng yêu cầu của đời sống xã hội và nhà trường. Hiểu được các kiến thức, có kỹ năng thiết thực phục vụ cho hoạt động ngoại khóa của học sinh hoặc làm đồ dùng dạy học: Sinh viên được nghiên cứu và thực hành kẻ chữ, cắt chữ, trình bày báo tường, chép và phóng tranh trong sách giáo khoa, giúp cho sinh viên chủ động trong việc tự làm đồ dùng dạy học, phục vụ cho việc dạy học sau này.

#### **9.47. Ký họa (đen trắng)**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, vai trò tác dụng và phương pháp vẽ ký họa, cách sử dụng chất liệu trong ghi chép tài liệu, gồm: Thực hành các bài ký họa cảnh, ký họa động vật và người; phương pháp cơ bản để ký họa nhanh được cảnh vật từ đơn giản đến phức tạp bằng các chất liệu: bút chì, bút sắt.



### **9.48. Bố cục 1**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Vẽ khối cơ bản và đồ vật (đen trắng). Vẽ người (đen trắng) – Vẽ tĩnh vật (màu). Trang trí cơ bản – Nghiên cứu vốn cổ dân tộc và ứng dụng. Ký họa (đen trắng).

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức và phương pháp tiến hành xây dựng một bức tranh thông qua nghiên cứu nội dung, chủ đề, tìm bố cục, xây dựng hình tượng và cách thể hiện. Bằng các chủ đề cụ thể hoặc tự chọn nhằm tạo cho sinh viên thói quen tư duy, liên tưởng và quan sát thực tế. Bố cục là bài vẽ tổng hợp các kiến thức đã học của các phân môn Mỹ thuật và có vai trò quan trọng đối với quá trình học tập và sáng tác nghệ thuật.

Các bài tập được tiến hành từ thấp đến cao, từ yêu cầu đơn giản đến phức tạp về kỹ thuật thể hiện, giúp cho sinh viên có thể phát triển, tự nghiên cứu vươn lên. Cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về phương pháp bố cục tranh và sử dụng chất liệu.

### **9.49. Điều khắc**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Vẽ khối cơ bản và đồ vật (đen trắng), Vẽ tượng chân dung người (đen trắng).

Học phần này nhằm củng cố cách nhìn cụ thể hơn về hình khối, tỷ lệ, đặc điểm của mẫu, từ các khối cơ bản, hoa quả đến tượng chân dung người. Trang bị cách nhìn từ không gian 2 chiều của hội họa sang cách nhìn không gian 3 chiều cụ thể. Sinh viên thực hành nặn khối cơ bản và đồ vật, chép phù điêu, chép đầu tượng phác mảng, tập nặn sáng tạo: con vật, phù điêu, tượng chân dung người.

### **9.50. Trang trí ứng dụng 2**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Trang trí ứng dụng 1.

Học phần này trang bị kiến thức sâu hơn về nghệ thuật trang trí phục vụ thiết thực công tác nội, ngoại khóa thông qua các bài vẽ tranh cổ động, chép và cách điệu gà, cá vàng..., kể các bản trích.

### **9.51. Bố cục 2**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Ký họa đen trắng, Bố cục 1.

Học phần này trang bị những kiến thức, kỹ năng nâng cao về xây dựng bố cục tranh và sử dụng chất liệu trên cơ sở kiến thức kỹ năng cơ bản của Bố cục 1. Thực hành vẽ tranh theo chủ đề: Học sinh THCS, tham gia bảo vệ môi trường, chủ đề lễ hội, sinh hoạt cuộc sống, chủ đề tự chọn.

### **9.52. Vẽ người (màu)**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Vẽ tượng người (đen trắng), Vẽ chân dung người (đen trắng).

Học phần này củng cố thêm kiến thức và khả năng vẽ hình họa người; Trang bị kiến thức về cách phân tích sự tinh tế của màu sắc trên con người, trong tương quan thực của mẫu. Thông qua các bài vẽ thực hành vẽ chân dung người, bán thân người nam, nữ, bằng chất liệu màu bột hoặc sơn dầu. Qua đó sinh viên nắm chắc hơn về cấu tạo hình thể, đặc tính, tình cảm ... của con người; củng cố cách vẽ, khả năng sử dụng bút lông và hiểu sâu hơn chất liệu màu bột, sơn dầu trong nghiên cứu hình họa.

### **9.53. Ký họa (màu)**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Ký họa đen trắng

Học phần này tiếp tục củng cố kiến thức về ghi chép tài liệu và cách sử dụng chất liệu chì, bút sắt, mực nho, trang bị thêm kiến thức ghi chép tài liệu bằng chất liệu màu nước trong khi nghiên cứu thực tế. Học sinh được thực hiện các bài tập ký họa phong cảnh, ký họa nhân vật đáng tinh, ký họa đám đông người kết hợp với không gian.



#### **9.54. Lý luận chung về phương pháp dạy học Mỹ thuật**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần Mỹ thuật chuyên ngành.

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về lý luận chung và phương pháp dạy học Mỹ thuật; nghiên cứu mục tiêu, chuẩn kiến thức - kỹ năng, chương trình và sách giáo khoa môn Mỹ thuật ở trường THCS và Tiểu học;

Tiếp cận, vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong dạy - học Mỹ thuật theo hướng tích hợp chủ đề; tổ chức đánh giá kết quả môn học của học sinh THCS và Tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

#### **9.55. Thực hành sư phạm Mỹ thuật**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Lý luận chung về phương pháp dạy học Mỹ thuật.

Học phần này giúp sinh viên hình thành những kỹ năng về cách lập kế hoạch dạy học, thiết kế bài dạy, làm đồ dùng dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục Mỹ thuật ở trường THCS và Tiểu học;

Vận dụng được kiến thức về lý luận và phương pháp dạy học tích cực để tổ chức thực hành sư phạm Mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh ở trường THCS và Tiểu học.



## 10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

### 10.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Trần Lăng, 1968, Phó Hiệu trưởng	GVC, 2006	TS, Việt Nam, 2014	Triết học	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1
2	Nguyễn Thị Trang, 1974, Trưởng Bộ môn NGLCB của CN Mác- Lênin	GV	Ths, Việt Nam, 2009	CNXHKH	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2
3	Trần Văn Tàu, 1975, Trưởng BM Tư tưởng Hồ Chí Minh	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 2018	Lịch sử Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Võ Thi Minh Duyên, 1972, Trưởng Phòng Tổ chức - Cán bộ.	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam
5	Nguyễn Phi Phượng, 1975, Trưởng khoa Lý luận Chính trị	GVC	Ths, Việt Nam, 2010	Luật học	Pháp luật đại cương
6	Võ Thi Ngọc Hoa, 1976, Phó Trưởng khoa KHXH-NV	GVC	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ học so sánh	Tiếng Việt thực hành
7	Phạm Ngọc Thịnh, 1983, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Khoa học máy tính	Đồ họa ứng dụng
8	Bùi Hữu Mô, 1960, Trưởng Khoa Tâm lý – Giáo dục	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 2003	Tâm lý	Tâm lý học đại cương Giáo dục học đại cương
9	Nguyễn Định, 1961, Phó Hiệu trưởng phụ trách	GV	TS, Việt Nam, 2008	Văn hóa học	Cơ sở văn hóa Việt Nam
10	Ngô Thị Kim Phượng, 1968, Phó Trưởng phòng Đào tạo	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 2005	Triết học	Đạo đức học
11	Mai Đình Lưu, 1961, Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCL	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 2000	Địa lý KT-CT	Giáo dục môi trường
12	Huỳnh Minh Giảng, 1969, Phó trưởng phòng Khảo thí và ĐBCL	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Khoa học Máy tính	Tin học đại cương
13	Trần Đắc Ân, 1966, Phó Trưởng khoa GDTC-GDQP	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2003	Thể dục	Giáo dục thể chất 1
14	Nguyễn Quốc Trầm, 1983, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2008	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 2



15	Nguyễn Ngọc Sách, 1968, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1992	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 3
16	Lê Đức Hiếu, 1979, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2008	GDH-GDTC	Giáo dục thể chất 3
17	Trường Quân sự Tỉnh Phú Yên				Giáo dục quốc phòng – an ninh
18	Phan Thị Tuyết Trân, 1977, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2004	Anh Văn	Tiếng Anh 1 (A2.1)
19	Phan Thị Tuyết Trân, 1977, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2004	Anh Văn	Tiếng Anh 2 (A2.2)
20	Hồ Việt Luận, 1970, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngữ.	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Anh Văn	Tiếng Anh 3 (A2.3)
21	Phan Thị Ánh Tuyết, 1968, Phó Trưởng khoa TL - GD	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Văn học	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm Phương pháp công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh
22	Phan Thị Lan, 1970, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2004	Tâm lý học & Giáo dục học	Hoạt động giáo dục và hoạt động dạy học ở trường Trung học cơ sở. Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm.
23	Nguyễn Thế Dân, 1960, Giảng viên	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 2003	Tâm lý học & Giáo dục học	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1
24	Nguyễn Sơn Hà, 1961, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2003	Quản lý Giáo dục	Quản lý nhà trường
25	Huỳnh Thị Thanh Vân, 1964, Phó trưởng phòng Công tác HSSV	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1999	GD tiểu học	Tổ chức và hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh Tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh
26	Châu Thị Hồng Nhựt, 1986, Giảng viên	GV, 2013	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1, 2
27	Phan Thị Lan, 1971, Trưởng Bộ môn Mỹ thuật	GV, 2003	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật Thị giác	Trang trí ứng dụng 1,2.
28	Nguyễn Thành Vinh, 1970, Giảng viên	GV, 2003	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật Thị giác	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới - Việt Nam. Điều khắc.
29	Đình Văn Tiên, 1965, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1998	Hội họa	Lý luận chung về PPDH Mỹ thuật Thực hành Sư phạm Mỹ thuật Rèn luyện NVSPTX 3



**10.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Lê Đức Huỳnh, 1958, Giảng viên Mỹ thuật (nghỉ hưu).	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1993	Hội họa	Trang trí cơ bản- Nghiên cứu vốn cổ dân tộc và ứng dụng. Vẽ người (màu)
2	Nguyễn Huỳnh Ân, 1958, Giảng viên Mỹ thuật (nghỉ hưu) .	GV, 2013	Cử nhân, Việt Nam, 1988	Hội họa	Vẽ người (đen trắng) - Vẽ tĩnh vật màu. Luật xa gần- Giải phẫu tạo hình.
3	Phan Hữu Sang, 1981. Giảng viên Mỹ thuật, khoa Kiến trúc, Đại học Xây dựng Miền Trung.	GV, 2014	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật Thị giác	Vẽ chân dung người (đen trắng).
4	Lê Bá Cang, 1974. Tổ trưởng chuyên môn. Khoa Mỹ thuật Ứng dụng, trường Đại học Nghệ thuật Huế	GV	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật Thị giác	Vẽ tượng CD -Vẽ tượng người (đen trắng) Vẽ khối cơ bản và đồ vật (đen trắng).
5	Cao Duy Lĩnh, 1970, Giảng viên Mỹ thuật trường CDSP Gia Lai	GV	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật Thị giác	Mỹ thuật học.
6	Nguyễn Văn Càn, 1970, Giảng viên Mỹ thuật trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Bình định.	GV	Ths, Thái Lan, 2014	Nghệ thuật Thị giác	Ký họa (đen trắng) Ký họa (màu)
7	Nguyễn Thị Ái Nương, 1985, Giảng viên Mỹ thuật, Đại học Xây dựng Miền Trung.	GV	Ths, Việt Nam, 2016	Hội họa	Bố cục 1,2.
8	Trần Quang Đức, 1961, Phó trưởng khoa Công tác thiếu nhi – Học viện Thanh thiếu nhi Hà Nội.	GVC, 2002	Cử nhân, Việt Nam, 1988	Tâm lí – Đoàn Đội	Phương pháp thiết kế hoạt động Đội. Nghị thức Đội TNTP Hồ Chí Minh.
9	Bùi Mỹ Nga, 1959	GV	Cử nhân, Việt Nam 1999	GD Tiểu học	Hoạt động giáo dục truyền thống của Đội TNTP Hồ Chí Minh
10	Huỳnh Văn Toàn, Trưởng khoa kỹ năng – Trường đoàn Lý Tự Trọng.	GV			Hoạt động nghiệp vụ Đội TNTP Hồ Chí Minh



## 11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

### 11.1. Các phòng học chuyên ngành và các hệ thống thiết bị phục vụ cho giảng dạy:

Có đủ phòng học cho việc giảng dạy và học tập, ngoài ra hiện nay nhà trường đã chú trọng việc trang bị các phòng học đa phương tiện để giảng viên tiến hành phương pháp giảng dạy mới như: sử dụng giáo án điện tử, máy quét hình để minh họa.

### 11.2. Phòng học riêng của bộ môn:

- Bộ môn có các phòng học riêng dùng để giảng dạy các học phần chuyên ngành như:

+ Một phòng học (xưởng mỹ thuật): trang bị phòng có ánh sáng một chiều phục vụ cho việc học hình họa, có giá vẽ, bảng vẽ, bàn để pha màu, phòng học có tủ đặt tượng, góc trưng bày tranh vẽ...

+ Một phòng học lớn dành cho các lớp chuyên ngành Mầm non, có tủ đựng sản phẩm (đồ chơi, đồ dùng dạy học, mô hình), góc trình bày bài, bàn ghế như phòng học...

+ Một phòng học lớn dành cho các lớp chuyên ngành Tiểu học, có tủ đựng sản phẩm (bài vẽ), góc trình bày bài, bàn ghế như phòng học...

+ Một phòng học lớn dành cho chuyên ngành điêu khắc gồm có: Bục đặt mẫu, bàn xoay điêu khắc...

Hiện tại đã có xưởng mỹ thuật và phòng điêu khắc, còn thiếu hai phòng học riêng cho ngành Mầm non và Tiểu học.

### 11.3. Thư viện:

- Tổng diện tích thư viện: 1236 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích phòng đọc: 512 m<sup>2</sup>.

- Số chỗ ngồi: 200; Số máy tính phục vụ tra cứu: 46.

- Phần mềm quản lý thư viện: Phần mềm quản lý tích hợp Libol 5.5.

- Thư viện điện tử: đã kết nối được với thư viện điện tử của một số trường đại học trong nước.

### 11.4. Danh mục giáo trình, tài liệu chính của ngành đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị QG	2015	190	Những NLCB của CN Mác-Lênin 1
2	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị QG	2015	204	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2
3	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	Chính trị QG	2016	300	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	GT Đường lối CM của ĐCS VN (dùng cho SV ĐH, CĐ khối không chuyên Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ GD&ĐT	Chính trị QG	2016	105	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam



5	GT Pháp luật đại cương	Bộ GD&ĐT	Đại học sư phạm, Hà Nội.	2015	100	Pháp luật đại cương
6	Tâm lý học	Nguyễn Quang Uẩn	Đại học sư phạm	2004	50	Tâm lý học đại cương
7	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Nguyễn Kế Hào (CB)	Đại học sư phạm	2004	100	TLH lứa tuổi và TLH sư phạm
8	Quản lý HCNN và quản lý ngành giáo dục đào tạo	Phạm Việt Vượng	Đại học sư phạm	2006	100	Quản lý trường học
9	Giáo dục học tập 1	Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt	Bộ GD-ĐT	1988	80	Giáo dục học đại cương
10	Adobe Photoshop Cs6 & Image Ready, tập 1, 2	Nguyễn Việt Dũng	Lao động, Xã hội	2012	20	Đồ hoạ ứng dụng
11	Sinh thái môi trường và ứng dụng	Lê Huy Bá	KH&KT	2000	08	Giáo dục môi trường
12	Giáo trình đạo đức học		CTQG	2005	60	Đạo đức học
13	Giáo trình Mỹ học đại cương	Lê Ngọc Trà, Lâm Vinh, Huỳnh Như Phương	Giáo dục	2005	80	Mỹ học đại cương
14	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán	Đại học sư phạm	2004	28	Tiếng Việt thực hành
15	Cơ sở văn hóa VN	Trần Ngọc Thêm	Giáo dục	2001	50	Cơ sở văn hóa VN
16	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Phạm Trung Thanh	Đại học sư phạm	2003	50	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1
17	Rèn luyện NVSP thường xuyên		Tài liệu tự biên soạn	2011	50	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2 (Teaching Practicum)
18	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3		Tài liệu tự biên soạn	2011	100	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3
19	Quản lý nhà trường	PGS.TS. Đặng Quốc Bảo; TS Nguyễn Thành Vinh	GDVN	2011	10	Quản lý nhà trường THCS
20	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông	Nguyễn Thị Liên (chủ biên), Nguyễn Thị Hiền, Tưởng Duy Hải, Đào Thị Ngọc Minh	Giáo dục Việt Nam	2016	80	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm
21	- Giáo trình tin học đại cương	-Nhóm tác giả trường Đại học Kinh tế TP. HCM	- Lao động – Xã hội - Thời Đại	2012 2014	80	Tin học đại cương



	- Tin Học Văn Phòng Microsoft Office	-Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến				
22	Giáo trình Thử dục	Trương Anh Tuấn	DHSP	2004	5	Thử dục
23	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Kim Minh	DHSP Hà Nội	2004	5	Điền kinh
24	Sách Giáo trình Cầu lông	Nguyễn Trọng Hải, Đào Chí Thành	DHSP	2004	50	Cầu lông 1
25	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Việt Minh	DHSP	2003	10	Bóng chuyền 1
26	Giáo trình GDQP- AN dùng cho các trường CĐ- ĐH	Bộ GD & ĐT	Giáo dục	2008	88	Giáo dục quốc phòng
27	New English File - Elementary	Clive Oxenden, Christina Latham - Koenig , Paul Seligson	Oxford University Press	2004	50	Tiếng Anh 1 (A2)
28	New English File – Pre- intermediate	Clive Oxenden, Christina Latham_ Koenig, Paul Seligson	Oxford University Press	2004	50	Tiếng Anh 2
29	New English File – Pre- intermediate	Clive Oxenden, Christina Latham_ Koenig, Paul Seligson	Oxford University Press	2004	50	Tiếng Anh 3
30	Giải phẫu tạo hình Luật xa gần	- Đinh Tiến Hiếu - Đặng Xuân Cường	Đại học sư phạm	2004 2003	50 47	Luật xa gần - Giải phẫu tạo hình
31	Lịch sử MT Thế giới Lịch sử MT Việt Nam	Phạm Thị Chinh	Đại học sư phạm	2004	40 50	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới - Việt Nam
32	Hình họa 1	Triệu Khắc Lễ	Đại học sư phạm	2004	57	Vẽ khối cơ bản và đồ vật (đen trắng) Vẽ tượng người (đen trắng) Vẽ tượng chân dung, vẽ tượng người (đen trắng)
33	Giáo trình Trang trí	Tạ Phương Thảo	Đại học sư phạm	2003	50	Trang trí cơ bản – Nghiên cứu vốn cổ dân tộc và ứng dụng
34	Ký họa	Nguyễn Lăng Bình	Đại học sư phạm	2004	20	Ký họa (đen trắng)
35	Hình họa 2	Triệu Khắc Lễ	Đại học sư phạm	2004	57	Vẽ người (đen trắng) Vẽ người (màu)
36	Giáo trình Bố cục (1) Giáo trình Bố cục (2)	Đàm Luyện	Đại học sư phạm	2003	44 20	Bố cục 1 Bố cục 2
37	Giáo trình Trang trí 2	Phạm Ngọc Tới	Đại học sư	2003	20	Trang trí ứng dụng 1



38	Mỹ thuật học	Trần Tiêu Lâm Phạm Thị Chinh	Đại học sư phạm	2007	80	Mỹ thuật học
39	Giáo trình Phương pháp dạy - học Mỹ thuật	Nguyễn Quốc Toàn (chủ biên) - Hoàng Kim Tiến	Đại học sư phạm, Hà Nội	2010		Lý luận chung về phương pháp dạy học Mỹ thuật Thực hành sư phạm Mỹ thuật
40	Tài liệu dạy học Mỹ thuật dành cho giáo viên tiểu học	Bộ GD & ĐT - Dự án Hỗ trợ giáo dục Mỹ thuật tiểu học (SAEPS)	Giáo dục Việt nam, Hà Nội	2015		Lý luận chung về phương pháp dạy học Mỹ thuật Thực hành sư phạm Mỹ thuật
41	Lý luận - phương pháp công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh	Trần Như Tinh (chủ biên)	ĐHSP	2004	20	Tổ chức và hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh.
42	Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh	Bùi Sỹ Tụng, Đào Ngọc Dung, Trần Quang Đức	ĐHSP	2005	20	Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh
43	Hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh	Bùi Sỹ Tụng (chủ biên)	ĐHSP	2005	20	Hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh .
44	Hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh	Bùi Sỹ Tụng (chủ biên)	ĐHSP	2005	20	Hoạt động giáo dục truyền thống của Đội TNTP Hồ Chí Minh
45	Phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh	Bùi Sỹ Tụng, Đào Ngọc Dung, Trần Quang Đức	ĐHSP	2005	20	Tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh
46	Phương pháp dạy học bộ môn Công tác Đội	Bùi Sỹ Tụng (chủ biên), Phan Nguyên Thái	ĐHSP	2005	20	Phương pháp dạy học công tác Đội TNTP ở trường THCS
47	Phương pháp thiết kế các mô hình hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh	Trần Quang Đức	Thanh niên	2006		Phương pháp thiết kế hoạt động Đội.
48	Lý luận giáo dục Lý luận dạy học ở trường THCS	Phạm Viết Vượng Nguyễn Ngọc Bảo, Trần Kiểm	Đại học sư phạm	2005		Hoạt động giáo dục và dạy học ở trường THCS
49	Lịch sử văn minh Thế giới	Vũ Dương Ninh	Giáo dục	2012	96	Lịch sử văn minh Thế giới



11.5. Danh mục giáo trình, sách, tài liệu tham khảo của ngành đào tạo

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Triết học Mác -Lênin; KTCT Mác-Lênin; CNXHKKH	Bộ GD&ĐT	Chính trị QG	2007	200	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác-Lênin 1
2	Hồ Chí Minh toàn tập	Ban TG-TW	Chính trị QG	1996	200	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3	Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập1,2,3).	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị QG	1996	20	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
4	GT Pháp luật	Trần Văn Thắng	Đại học sư phạm	2007	50	Pháp luật ĐC
5	New headway English Course Elementary	John Liz Soars	Oxford University Press,	2000	50	Tiếng anh 1
6	Objective Pet– Pre-intermediate	Barbara Thomas	Cambridge University Press,	2009	50	Tiếng anh 2
7	Preliminary English Pet 4		Cambridge University Press,	2009	50	Tiếng anh 3
9	Cẩm nang kỹ thuật soạn thảo văn bản	Hoàng Giang	Lao động xã hội	2008	5	Tiếng Việt thực hành
10	Chỉnh sửa ảnh chân dung với Photoshop	Trần Nguyên Nhã	Giao thông vận tải	2015		Đồ hoạ ứng dụng
11	Giáo trình tin học cơ sở	Hồ Sĩ Đàm, Đào Kiến Quốc, Hồ Đắc Phương	Đại học sư phạm			Tin học đại cương
12	GT Thẻ đục nhào lộn	Trương Văn Bá; Th.S Trịnh Hữu Lộc; Nguyễn Kế Bình	TĐTT	2005	20	Giáo dục thể chất 1
13	Nhảy cao kiểu bước qua, úp bụng, lưng qua xà: GT dành cho CĐSP	PGS. Nguyễn Kim Minh; Bùi Thị Dương	Giáo dục	2000	1	Giáo dục thể chất 2
14	Học viện kỹ thuật quân sự					Giáo dục quốc phòng
15	Phối cảnh trong Hội họa Luật xa gần và giải phẫu tạo hình	Phạm Cao Hoàn Trần Tiểu Lâm- Đặng Xuân Cường	Mỹ Thuật Giáo dục	1997 1999	10 47	Luật xa gần - Giải phẫu tạo hình
16	GT Lịch sử Mỹ thuật TG Đại cương lịch sử VN	ĐHMT – Hà Nội Trương Hữu Quỳnh	ĐHMT – Hà Nội Mỹ Thuật	1997	23	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới - Việt Nam



17	GT Hình họa và điêu khắc (Tập 1)	Triệu Khắc Lễ	Giáo dục	2000	5	Vẽ khối cơ bản và đồ vật (đen trắng)
18	Giáo trình Trang trí (Tập 2)	Nguyễn Thế Hùng- Nguyễn Thị Nhung- Phạm Ngọc Tới	Giáo dục	2008	20	Trang trí cơ bản – Nghiên cứu vốn cổ dân tộc và ứng dụng
19	GT Hình họa và điêu khắc (Tập 1)	Triệu Khắc Lễ	Giáo dục	2000	5	Vẽ tượng CD – Vẽ tượng người (đen trắng)
20	Ký họa (2)	Triệu Khắc Lễ	Đại học sư phạm	1996	50	Ký họa (đen trắng)
21	SGK, SGV Mỹ thuật lớp 6,7,8,9	Nguyễn Quốc Toàn, Nguyễn Hữu Hạnh, Đàm Luyện	Giáo dục	2003- 2006	48	Lý luận chung về PPDH Mỹ thuật – Thực hành sư phạm Mỹ thuật
22	Học Vẽ Người Hình họa (2)	Nguyễn Ngọc Dũng Triệu Khắc Lễ	Văn Hóa Đại học sư phạm	1994 2003	17 49	Vẽ người (đen trắng)
23	Giáo trình Bố cục (2)	Đàm Luyện	Đại học sư phạm	2003	20	Bố cục 1
24	Giáo trình Trang trí (Tập 2)	Nguyễn Thế Hùng- Nguyễn Thị Nhung- Phạm Ngọc Tới	Giáo dục	2008	20	Trang trí cơ bản – Nghiên cứu vốn cổ dân tộc và ứng dụng
25	Giáo trình Phương pháp giảng dạy Mỹ thuật	Nguyễn Quốc Toàn	Giáo dục, Hà Nội	1998		Lý luận chung về phương pháp dạy học Mỹ thuật Thực hành sư phạm Mỹ thuật
26	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật (Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ cao đẳng và đại học sư phạm)	Nguyễn Quốc Toàn (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội	2006		Lý luận chung về phương pháp dạy học Mỹ thuật Thực hành sư phạm Mỹ thuật
27	Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Mỹ thuật THCS	Nguyễn Lăng Bình	Giáo dục, Hà Nội	2010		Thực hành sư phạm Mỹ thuật
28	Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức kỹ năng môn Mỹ thuật ở tiểu học	Bộ GD & ĐT	Giáo dục, Hà Nội.	2006		Thực hành sư phạm Mỹ thuật
29	Học Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực (vận dụng phương pháp mới của Dự án Hỗ trợ giáo dục Mỹ thuật Tiểu học do Vương quốc Đan Mạch tài trợ)	Nguyễn Thị Nhung (chủ biên)	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.	2016		Thực hành sư phạm Mỹ thuật



30	Tài liệu bồi dưỡng giáo viên tổ chức dạy - học môn Mỹ thuật ở THCS	Bộ GD & ĐT	Giáo dục, Hà Nội	2010	Lý luận chung về phương pháp dạy học Mỹ thuật Thực hành sư phạm Mỹ thuật
31	Giáo trình Mỹ thuật và Phương pháp dạy học Mỹ thuật ( <i>Dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học hệ đào tạo Chính quy, Tại chức và Từ xa</i> )	Nguyễn Quốc Toàn	Đại học sư phạm, Hà Nội	2009	Lý luận chung về phương pháp dạy học Mỹ thuật Thực hành sư phạm Mỹ thuật



## **12. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

### **12.1. Thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ**

- Giảng viên: Giảng viên nắm được các văn bản, qui định đối với Chương trình đào tạo ngành Sư phạm

Mỹ thuật (chuyên ngành Mỹ thuật – Công tác Đội) trình độ cao đẳng đối với khóa 2018.

+ Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Mỹ thuật (Chuyên ngành Mỹ thuật – Công tác Đội) trình độ cao đẳng hệ chính quy được soạn thảo theo Quy chế, các Quy định hiện hành của Bộ GD-ĐT và của Trường Đại học Phú Yên ban hành về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học, cao đẳng và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng.

+ Khối lượng kiến thức toàn khóa được thiết kế gồm 110 tín chỉ (chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh); đào tạo trong 3 năm; phân bố trong 6 học kỳ học tập.

+ Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng (trong mục 8) có tính chất định hướng (dự kiến), thứ tự đó có thể thay đổi được nếu không vi phạm các yêu cầu đã đề xuất và điều kiện tiên quyết trong chương trình chi tiết.

+ Chương trình được thiết kế theo hướng giảm bớt tính hàn lâm, lý thuyết trong các học phần. Tăng cường yêu cầu trải nghiệm - thực hành, nâng cao tính ứng dụng thực tế nhằm phát huy tính tích cực sáng tạo và đề cao khả năng nghiên cứu, tự học của sinh viên.

+ Nội dung chương trình hướng đến yêu cầu nâng cao, bồi dưỡng phương pháp tự học, tự nghiên cứu, tích cực rèn luyện kỹ năng chuyên môn nhằm nâng cao trình độ của người học.

+ Nội dung các học phần được thiết kế, xây dựng sát thực với chương trình Mỹ thuật và Công tác Đội ở nhà trường phổ thông để đáp ứng theo nhu cầu đào tạo, chuẩn bị cho sinh viên có khả năng giảng dạy tốt chương trình Mỹ thuật và Công tác đội ở trường THCS và Tiểu học theo hướng phát triển năng lực của học sinh.

*Nội dung, hình thức tổ chức dạy – học đối với chuyên môn Mỹ thuật/ Công tác Đội:*

+ Các học phần chuyên ngành (Hình họa, Trang trí, BỐ cục, Ký họa, Điêu khắc, Luật xa gần – Giải phẫu tạo hình, Lý luận chung về phương pháp dạy học mỹ thuật, Thực hành sư phạm mỹ thuật) để đạt được yêu cầu về rèn luyện kỹ năng, giờ thực hành được bố trí học theo nhóm, mỗi nhóm từ 10 đến 15 sinh viên;

+ Thực hành chuyên ngành: Cần đảm bảo các điều kiện, phương tiện học tập nghiên cứu như: phòng thực hành, trang thiết bị - đồ dùng dạy học, vật tư/ họa phẩm... phải được trang bị, chuẩn bị tốt để đảm bảo chất lượng dạy học.

+ Nội dung thực tế bộ môn của học phần/môn học: Được thiết kế theo hướng học tập thông qua trải nghiệm, thực hành; mục tiêu, kế hoạch, hình thức tổ chức thực tế đảm bảo tính thiết thực và phù hợp với nội dung yêu cầu của ngành học; kết quả thu hoạch thực tế bộ môn được tổ chức đánh giá nghiêm túc, hiệu quả; chú trọng khả năng vận dụng thực tiễn vào trong học tập, nghiên cứu.

*Giáo trình, tài liệu dạy – học:* Ngoài những giáo trình chính, tài liệu tham khảo được giới thiệu trong chương trình; giảng viên giảng dạy các học phần phải thường xuyên cập nhật kiến thức/ thông tin để biên soạn tài liệu phục vụ giảng dạy và giới thiệu tài liệu để sinh viên tự học, tự nghiên cứu trong quá trình học tập nhằm giúp sinh viên nâng cao năng lực tự học, phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo và xây dựng phong cách học tập mới .



- Sinh viên:
- + Sinh viên nắm được các văn bản, qui định đối với Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Mỹ thuật (chuyên ngành Mỹ thuật – Công tác Đội) trình độ cao đẳng đối với khóa 2018.
- + Sinh viên nắm vững nội dung chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, thực hiện việc thi kết thúc học phần, thực tế, thực tập theo quy định chuyên môn.
- + Việc học chuyên môn Mỹ thuật đòi hỏi thời gian tự học, tự rèn luyện kỹ năng rất nhiều.

Ngoài ra còn phải chuẩn bị kinh phí cho việc mua dụng cụ vẽ...

### **12.2. Định hướng phát triển năng lực sinh viên**

- Tập trung phát triển năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, năng lực tự học, năng lực bồi dưỡng chuyên môn và học tập suốt đời ....
- Gắn kết lý thuyết và thực hành; tăng cường thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động ...
- Tập dượt cho sinh viên NCKH.

### **12.3. Đảm bảo các điều kiện phục vụ đào tạo**

- Phòng học, phòng thực hành :
- Bộ môn có các phòng học riêng dùng để giảng dạy các học phần chuyên ngành như:
- + Một phòng học (xưởng mỹ thuật): trang bị phòng có ánh sáng một chiều phục vụ cho việc học hình họa, có giá vẽ, bảng vẽ, bàn để pha màu, phòng học có tủ đặt tượng, góc trưng bày tranh vẽ...
  - + Một phòng học lớn dành cho chuyên ngành điêu khắc gồm có: Bục đặt mẫu, bàn xoay điêu khắc... Hiện tại đã có xưởng mỹ thuật và phòng điêu khắc, các môn lý thuyết học trên lớp.
  - Thư viện, học liệu:
  - + Thư viện có giáo trình chính, tài liệu tham khảo, phòng học trong thư viện để tra cứu tài liệu, thông tin mới.
  - + Học liệu: Theo qui định của các học phần, sinh viên tự chuẩn bị học liệu.



KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Định